

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/DS-ST;
Ngày: 25/5/2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trương Hoàng Hoa;**

2/ Ông **Nguyễn Quốc Thuần;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 477/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXX-ST ngày 28/4/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: D hàng TMCP A.**

Trụ sở: Tòa nhà HM Town 412 M, Phường N, Quận Q, TP.HCM.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Quang B** - chức vụ: TGD.

Đại diện ủy quyền: Ông **Võ Minh C** - chức vụ: GĐTTTHN.

Ủy quyền lại: Chị **Nguyễn Ngọc Tuyết D** - chức vụ: NVTHN.

Địa chỉ: Số 143 K, Phường R, thành phố S, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn: Lê Trung E** - sinh năm: 1967;

Địa chỉ: ấp X, xã Z, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D có mặt; anh E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Tuyết D trình bày: Vào ngày 29/5/2018, D hàng và anh Nguyễn Trung E đã ký kết hợp đồng tín dụng số 0601/03118/TDGD-CN để vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay vốn: tiêu dùng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất cho vay 10%/năm; lãi suất nợ quá hạn 150%/lãi trong hạn; phương thức trả nợ: trả lãi vào ngày 25 định kỳ 01 lần/tháng và tiền gốc là 833.333 đồng/tháng. D hàng cấp tín dụng cho anh E không có tài sản bảo đảm. Từ khi vay đến ngày 28/01/2019, anh E trả được D hàng tổng số tiền là 6.563.468 đồng, trong đó vốn là 4.999.998 đồng và tiền lãi là

1.563.460 đồng. Từ tháng 01/2019 cho đến nay, anh E không thanh toán khoản tiền nào cho D hàng.

Tính đến ngày 24/4/2020, anh E còn nợ D hàng tổng số tiền:

- Vốn là 25.000.002 đồng;
- Lãi trong hạn là 4.249.318 đồng;
- Lãi quá hạn là 279.693 đồng
- Lãi phạt là 1.401.711 đồng

Tổng cộng là 30.930.724 đồng

D hàng yêu cầu anh Lê Trung E trả cho D hàng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 24/4/2020 là 30.930.724 đồng, thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày 24/4/2020, anh E chưa trả nợ thì tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong.

* Bị đơn anh Lê Trung E vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

* Tại phiên tòa chi D yêu cầu anh Lê Trung E trả cho D hàng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 20/5/2020 là 31.326.064 đồng, thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày 20/5/2020, anh E chưa trả nợ thì tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] D hàng TMCP A (gọi tắt là D hàng) yêu cầu anh Lê Trung E trả cho D hàng số tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 20/5/2020 là 31.326.064 đồng mà trước đây anh E đã vay của D hàng nhưng chưa trả. Do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2] Anh E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh E.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của D hàng, Tòa xét thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0601/03118/TDGD-CN và Giấy nhận nợ ngày 29/5/2018 thể hiện anh E có vay của D hàng số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay vốn: tiêu dùng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất cho vay 10%/năm; lãi suất nợ quá hạn 150%/lãi trong hạn; phương thức trả nợ: trả lãi vào ngày 25 định kỳ 01 lần/tháng và tiền gốc là 833.333 đồng/tháng. Theo chi D trình bày trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh E trả được D hàng tổng số tiền là 6.563.468 đồng, trong đó vốn là 4.999.998 đồng và tiền lãi là 1.563.460 đồng. Từ tháng 01/2019 cho đến nay, anh E vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký, D hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho anh E trả nợ nhưng anh E vẫn không thực hiện nên D hàng khởi kiện yêu cầu anh E trả tiền là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận. Tính đến ngày 20/5/2020, anh E còn nợ D hàng số tiền vốn là 25.000.002 đồng và

tiền lãi là 6.326.062 đồng, tổng cộng 31.326.064 đồng. Do đó cần buộc anh E phải trả số tiền trên cho D hàng.

[4] Anh E vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Do yêu cầu của D hàng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho D hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của D hàng thương mại cổ phần A đối với anh Lê Trung E.

Buộc anh Lê Trung E có nghĩa vụ trả cho D hàng thương mại cổ phần A số tiền 31.326.064 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn không trăm sáu mươi bốn đồng) trong đó:

- Vốn gốc là 25.000.002 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm lẻ hai đồng);
- Tiền lãi và phạt là 6.326.062 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn không trăm sáu mươi hai đồng);
- Thời gian: Thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 21/5/2020, anh Lê Trung E còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0601/03118/TDGD-CN ngày 29/5/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Anh Lê Trung E phải chịu 1.566.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

D hàng TMCP A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 687.000 đồng (Sáu trăm tám mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003311 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy